

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2018/HNGĐ - ST**

Ngày: 25/10/2018

V/v: “Không công nhận quan hệ vợ chồng,
Tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khắc Hiếu

2. Bà Hà Thị Thanh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 348/2018/TLST - HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 32/2018 ngày 10 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1974

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn T3, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;
Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Vũ Thị Y, sinh năm 1971

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn T3, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2018, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Văn D trình bày:

+ Về hôn nhân: Anh Trần Văn D và chị Vũ Thị Y tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, bố mẹ hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho anh chị theo phong tục truyền thống tại địa phương, nhưng từ lúc về chung sống với nhau, anh chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, cuộc sống không có hạnh phúc.

Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng và hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành, anh D xác định tình cảm với chị Y đã hết. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Vũ Thị Y.

+ Về con chung: Anh D và chị Y có 3 con chung, là Trần Thị T1, sinh năm 1993; Trần Văn T2, sinh năm 1995 và Trần Thị T, sinh ngày 16/8/2003. Do cháu T1 và cháu T2 đã đủ 18 tuổi, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu T là người chưa thành niên, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T, cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, và không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về chia tài sản, nợ chung: Anh D và chị Y tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn - chị Vũ Thị Y Vắng mặt. Từ khi thụ lý vụ án, cho đến ngày xét xử sơ thẩm, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng chị Y cố tình lẩn tránh, vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án mà không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn D có đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Vũ Thị Y. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hôn nhân gia đình, tranh chấp về nuôi con”.

Chị Vũ Thị Y là người bị kiện, có địa chỉ tại thôn T 3, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, chị Vũ Thị Y vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo anh D trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa, và tại văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái ngày 24/8/2018, có căn cứ xác định:

Anh Trần Văn D và chị Vũ Thị Y tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình thì “Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định của Luật này thì không có giá trị pháp lý”. Do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa

vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”. Do đó, yêu cầu của anh Trần Văn D là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử thấy, hai con chung của anh D, chị Y là Trần Thị T1, sinh năm 1993 và Trần Văn T2, sinh năm 1995 đã thành niên, anh D không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét.

Đối với cháu Trần Thị T, sinh ngày 16/8/2003, chưa đủ 18 tuổi, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi các bên đương sự đến để hòa giải về quyền nuôi con, nhưng chị Y cố tình lẩn tránh, không đến, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Xét nguyện vọng của anh D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, cho đến khi đủ 18 tuổi, đồng thời cháu T cũng có đơn nguyện vọng xin được ở cùng với anh D, nên cần giao cháu T cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với hoàn cảnh thực tế của các đương sự.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh D không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Anh D không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Trần Văn D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9; 14; 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58;81;82;83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Trần Văn D và chị Vũ Thị Y là vợ chồng

2. Về nuôi con: Giao cháu Trần Thị T, sinh ngày 16/8/2003 cho anh Trần Văn D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Vũ Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Chị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí: Anh Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai số 0000716 ngày 27/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Xác nhận anh D đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Vũ Thị Y được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- VKS thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- UBND xã T, Tp Y, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy